TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2017/DS-PT
Ngày: 16-8-2017
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân
Các Thẩm phán: 1/ Ông Đặng Văn Hùng
2/ Bà Lê Thị Minh Trang

- *Thư ký phiên tòa*: Cô Nguyễn Thị Quyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ* : Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương **-** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 103/TLPT-DS ngày 05/6/2017 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DSST ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167/2017/QĐPT-DS ngày 26/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1967
Địa chỉ: Thị trấn A, huyện T, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn*:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969
Địa chỉ: Thị trấn A, huyện T, thành phố Cần Thơ.
3. Người làm chứng:
3.1. Ông NLC1, sinh năm 1966
3.2. Bà NLC2, sinh năm 1937
3.3. Bà NLC3, sinh năm 1968
Cùng địa chỉ: Xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ.
3.4. Bà NLC4, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thị trấn A, huyện T, thành phố Cần Thơ.

(nguyên đơn, bị đơn có mặt; những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Ông có tham gia dây hụi 500.000 đồng do bà N làm chủ hụi, mở ngày 02/4/2009 âm lịch, có 24 phần chơi, ông tham gia được hai phần đóng được 16 lần với số tiền gốc bao nhiêu thì ông không nhớ, đến lần thứ 17 (ngày 15/10/2010 âm lịch) thì bà N tuyên bố bể hụi. Nay ông yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền nợ hụi là 16.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà thừa nhận ông C có tham gia 02 phần hụi trong dây hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 02/4/2009 có 24 phần, ông C đã kêu hốt 02 phần hụi này. Cụ thể: phần hụi thứ nhất ông C kêu 260.000 đồng và hốt được số tiền 9.950.000 đồng vào ngày 02/9 âm lịch nhưng không nhớ năm nào, đã trừ tiền đầu thảo; phần hụi thứ hai ông C kêu 310.000 đồng và hốt được số tiền 10.010.000 đồng vào ngày 02/10 âm lịch, nhưng không nhớ năm nào, đã trừ tiền đầu thảo. Hiện nay, mỗi dây hụi ông C còn nợ lại 04 lần hụi chết. Do đó, bà còn thiếu tiền hụi của ông C ở dây hụi khác, khi nào có tranh chấp sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử. Tại bản án số 39/2017/ST-DS ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C. Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn C số tiền 3.813.600 đồng.

Trong trường hợp bị đơn chậm trả tiền thì còn phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 20/3/2017 nguyên đơn ông Phạm Văn C có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm Văn C vẫn giữ nguyên nội dung như trình bày trong đơn kháng cáo là yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại buộc bà N phải trả số tiền hụi 16.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N thừa nhận ông C có tham gia vào dây hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 02/4/2009 có 24 phần nhưng ông C đã kêu hốt hụi và bà đã giao đủ cho nguyên đơn tiền của 02 phần hụi này nên không đồng ý trả số tiền 16.000.000 đồng theo yêu cầu của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: các bên giao dịch hụi nhưng không lập số hụi, ông C kiện yêu cầu bà N trả tiền 02 phần hụi, mỗi phần 8.000.000đồng. Với phần hụi thứ nhất ông C đã thừa nhận bà N giao còn thiếu 2.000.000đồng, ông C chưa đóng hụi chết lại cho bà N nên đề nghị cấn trừ. Đối với phần hụi thứ hai, bà N thì khai giao tiền trực tiếp cho vợ ông C, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa vợ ông C vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng. Ngoài ra, các phần hụi khác bà N nhận có nợ ông C hơn 2.000.000đồng nhưng ông C không có yêu cầu đòi, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N trả cho ông C khoản tiền này là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông C khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền hụi cho ông nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bà N trả lại cho ông số tiền 16.000.000đồng. Đơn kháng cáo và thời gian nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nằm trong hạn luật định, nên xem là hợp lệ.

Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[3] Khi giao dịch về hụi giữa hai bên đương sự không lập sổ và không có văn bản xác định nợ với nhau, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, trong bản tự khai và đối chiếu nợ tại biên bản hòa giải ông C và bà N khai thống nhất, ông C có tham gia vào các dây hụi do bà N làm chủ hụi, trong đó dây hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 02/4/2009 âm lịch, có 24 phần, ông C tham gia hai phần, dây hụi này chưa kết thúc thì bà N tuyên bố bể hụi vào ngày 15/10/2010 âm lịch. Ông C cho rằng ông đóng hụi cho bà N được 16 lần ông kêu hốt hụi vào 02 lần tiếp theo nhưng bà N chưa giao tiền hụi cho ông thì đã tuyên bố bể hụi; Bà N thì cho rằng ông C kêu hốt hụi vào lần thứ 19 và 20 và bà đã giao đủ tiền hụi cho ông C. Do đó đủ cơ sở để kết luận ông C có vô 02 phần hụi tháng 500.000đồng và có đóng hụi cho bà N.

Về số tiền hụi đã giao nhận các bên khai chưa thống nhất, cụ thể:

[4] Đối với phần hụi thứ nhất: Ông C trình bày ông đóng hụi cho bà N được 16 lần ông kêu hốt hụi nhưng bà N chưa giao tiền hụi cho ông thì đã tuyên bố bể hụi

nên yêu cầu bà N trả cho ông phần hụi này là 8.000.000đồng; Bà N khai phần hụi này ông C kêu 260.000đồng, hốt được 9.950.000đồng và bà đã giao xong, mặc dù bà N không không cung cấp được chứng cứ chứng minh nhưng trong phiên tòa ngày 09/3/2017 (BL 67) ông C khai: chân hụi đầu ông hốt giao thiếu 2.000.000đồng, vì vậy có cơ sở xác định phần hụi này bà N có giao tiền hụi cho ông C. Sau khi hốt hụi ông C chưa đóng lại 04 hụi chết cho bà N với số tiền 2.000.000đồng, cấn trừ vào tiền hụi bà N giao thiếu thì phần hụi này bà N không còn nợ ông C.

[5] Đối với phần hụi thứ 2: bà N khai ông C kêu 310.000đồng hốt được 10.010.000 đồng và bà cũng đã giao đủ tiền hụi cho ông C, ông C không thừa nhận lời khai này, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm bà N khai phần hụi này bà giao cho vợ ông C (các BL số 42 và 67) là bà Nguyễn Thị Minh T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ có hay không việc bà N giao tiền hụi cho bà T là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[6] Đối với số tiền 2.930.000đồng bà N cho rằng bà còn nợ ông C ở các dây hụi khác, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm ông C xác định các dây hụi khác ông không có yêu cầu đòi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N phải trả lại số tiền này và tiền lãi là vượt quá yêu cầu khởi kiện của ông C. Ngoài ra, án sơ thẩm không nhận định về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là có thiếu sót cần nêu ra để rút kinh nghiệm.

Những căn cứ đại diện Viện kiểm sát nêu ra để đề nghị hủy án sơ thẩm phù hợp với những phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Do kháng cáo của ông C được chấp nhận một phần nên ông Phạm Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn C.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DSST ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thị trấn A, huyện T, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969

Địa chỉ: 228, Thị trấn A, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục chung.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: chưa ai phải chịu; ông Phạm Văn C được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 000884 ngày 30/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :
- Các đương sự trong vụ án;
- TAND huyện T;
- VKSND Tp. Cần Thơ ;
- Chi cục THA huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Thị Bích Vân